

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-12- 2021

V/v Tranh chấp về ly hôn;

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Khắc Quỳnh;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lương Hùng A, sinh năm: 1968. Trú tại: Số 4, đường P, khu phố L, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 1968. Trú tại: Số 38, đường P, khu phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lương Hùng A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Hùng A và chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994, có đăng lý kết hôn tại UBND thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành (nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh vào năm 1994. Quá trình anh chị chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng chung sống không có hạnh phúc; anh chị không còn chung sống với nhau khoảng 10 năm nay. Vào tháng 4 năm 2021 anh Hùng A có đơn xin ly hôn một lần và Tòa

án có động viên hòa giải nhưng không thành. Nay anh Hùng A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên xin ly hôn với chị L;

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lương Quốc A, sinh năm: 1996; Lương Nhật A, sinh năm 1999. Hiện nay con chung của anh chị đã thành niên nên anh không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Hùng A chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 1994. Chị cũng xác nhận quá trình anh chị chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn chính thức phát sinh từ năm 2015 nên từ đó cho đến nay anh chị không còn sống chung với nhau, chị cũng biết hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh Hùng A, lý do để cho anh chị có thời gian dành cho con cái và tạo điều kiện anh chị thỏa thuận xong các vấn đề liên quan đến tài sản chung của vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như anh Hùng A trình bày, chị thống nhất ý kiến của anh Hùng A, con chung đã thành niên nên chị không có ý kiến hay yêu cầu tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử;

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Hùng A đối với chị Nguyễn Thị Kim L;

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lương Quốc A, sinh năm: 1996; Lương Nhật A, sinh năm 1999. Hiện nay con chung của anh chị đã thành niên nên anh chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình: Anh Hùng A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Hùng A và chị Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1994, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 02 năm 1994 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hòa Thành, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (bút lục số 05). Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, nay anh Hùng A cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên có yêu cầu được ly hôn với chị L.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh Hùng A và chị L thống nhất trình bày quá trình anh chị chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, anh chị không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Ngày 19 tháng 3 năm 2021, anh Hùng A có đơn xin ly hôn với chị L (bút lục số 02) nhưng được Tòa án hòa giải động viên anh Hùng A rút đơn. Trong quá trình giải quyết đối với vụ án này, Tòa án cũng tiếp tục hòa giải động viên và tạo điều kiện để anh chị đoàn tụ nhưng không thành nên anh Hùng A vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với chị L.

Riêng chị L xác nhận anh chị chung sống không có hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn với anh Hùng A; nguyện vọng đoàn tụ của chị không xuất phát từ thiện chí nhằm hàn gắn mối quan hệ tình nghĩa vợ chồng mà nhằm có thời gian để giải quyết vấn đề có liên quan nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định tình nghĩa vợ chồng giữa anh Hùng A và chị L không còn, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; cả hai không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Hùng A đối với chị Nguyễn Thị Kim L là phù hợp.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lương Quốc A, sinh năm: 1996; Lương Nhật A, sinh năm 1999. Hiện nay con chung của anh chị đã thành niên nên anh chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

[7] Xét thấy đề nghị của đại diện của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết đối với vụ án là phù hợp với tình tiết, nội dung của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Hùng A phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lương Hùng A đối với chị Nguyễn Thị Kim L.

Anh Lương Hùng A được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim L;

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Lương Quốc A, sinh năm: 1996; Lương Nhật A, sinh năm 1999. Ghi nhận con chung của anh chị đã thành niên nên anh chị không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình:

Anh Lương Hùng A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Hùng A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0099882 ngày 09-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Hùng A đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Anh Hùng A được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; chị L được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TXHT;
- THADS TXHT;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Lắm